

38. Lễ Phật hiện quang (禮佛現光)

Phẩm này nói rõ từ ân vô cực của bậc đạo sư hai cõi, gia bị hết thảy chúng hội khiến cho khắp tất cả được tận mắt thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc.

Gia Tường Sớ viết: “Hiện cõi nước khiến cho người ta ưa thích, hâm mộ. Tuy trước đó đã nghe giảng về cõi nước màu nhiệm, nhưng chưa được chính mắt thấy. Bởi thế, ở đây Phật hiện cõi nước để tất cả đều hâm mộ mà tu hành”.

Ngài Nghĩa Tịch cũng bảo: “Từ đầu tới đây đã giảng về nhân quả, thân và cõi nước của A Di Đà Phật, chúng hội đều được nghe, trì huệ thù thắng đã phát sanh, nhưng chưa tin hiểu hết: Kẻ hạ căn trí huệ kém cõi vẫn chưa quyết định. Hơn nữa, tai nghe chẳng bằng mắt thấy. Vì thế, tiếp đó A Di Đà Phật lại ban thêm sức oai thần để đại chúng đây đều được tận mắt thấy những chuyện trong cõi ấy xong ắt sẽ tin tưởng những điều đã nghe quyết định chẳng phải là hư vọng. Lại muốn cho họ biết cõi ấy là Tịnh Độ trang nghiêm, ai nấy đều siêng tu hạnh nghiệp vãng sanh”. Thêm nữa, chúng hội đương thời được thấy tận mắt thì chẳng phải riêng người được thấy khi ấy được lợi lạc mà còn để chúng tín cho kẻ được nghe pháp trong đời sau biết chắc thế giới Cực Lạc đích xác thật có, chứ phải đâu là cõi Ô Thác Bang (Utopia⁹⁶) hay là chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh. Do tin nên khởi hạnh, dùng nguyện để hướng dẫn hạnh, chí tâm tin ưa cầu sanh Cực Lạc, ắt đều được độ thoát. Đây mới là bản hoài của bậc đạo sư hai cõi.

Chánh kinh:

佛告阿難：若曹欲見無量清淨平等覺，及諸菩薩、阿羅漢等所居國土，應起西向，當日沒處，恭敬頂禮，稱念南無阿彌陀佛。

⁹⁶ Utopia: Utopia (xuất phát từ tiếng Hy Lạp Outopos, có nghĩa là “nơi chốn không tồn tại”) là từ ngữ chỉ một đoàn thể hay một xã hội lý tưởng. Đây là một xứ giả tưởng do Thomas More (1478-1535) tưởng tượng ra trong cuốn tiểu thuyết cùng tên. Theo tiểu thuyết đó, ngoài khơi Đại Tây Dương có một hòn đảo nhỏ mang tên Utopia, nơi đó người dân tuân theo một chế độ xã hội chính trị hoàn thiện, tận thiện tận mỹ. Từ ngữ này về sau cũng thường được dùng để chỉ những xã hội lý tưởng không có thật (thường gọi tắt là “xã hội không tưởng”) hoặc những lý tưởng, chủ nghĩa, giáo điều mang tính cách ngụ ngôn, ước vọng, không bao giờ thực hiện được.

Phật cáo A Nan: - Nhược tào dục kiến Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cập chư Bồ Tát, A La Hán đẳng sở cư quốc độ, ưng khởi Tây hướng, đương nhật một xứ, cung kính đảnh lễ, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

Phật bảo A Nan: - Các ông muốn thấy Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Phật và các Bồ Tát, A La Hán v.v... đang ngự trong cõi ấy thì hãy nên đứng dậy hướng về phương Tây là phía mặt trời lặn, cung kính đảnh lễ, xưng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Giải:

Bản Hán dịch ghi danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, hoặc gọi tắt là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

Hướng về Tây vì đức Phật “*thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây Phương*” (nhằm đáp ứng cái nguyện độ sanh nên hiện đang ở phương Tây). Pháp môn Tịnh Độ chỉ phương lập hướng khiến cho chúng sanh chuyên nhất. Đức Phật ấy hiện đang ở Tây phương nên đại chúng hướng về Tây.

“*Xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật*” là muốn thấy Phật thì phải niệm Phật. Đức Phật ta thấy ấy chính là nhất niệm tâm tánh của người niệm: Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Lại do các đức Như Lai của hai cõi gia bị nên cảm ứng đạo giao, ngay trong khi niệm ấy liền được thấy.

Chánh kinh:

阿難即從座起，面西合掌，頂禮白言：我今願見極樂世界阿彌陀佛，供養奉事，種諸善根。頂禮之間，忽見阿彌陀佛，容顏廣大，色相端嚴。如黃金山，高出一切諸世界上。又聞十方世界，諸佛如來，稱揚讚歎阿彌陀佛種種功德，無礙無斷。

A Nan tức tùng tòa khởi, diện Tây hiệp chưởng, đảnh lễ bạch ngôn: “Ngã kim nguyện kiến Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn”. Đảnh lễ chi gian, hốt kiến A Di Đà Phật, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như

hoàng kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng. Hựu văn thập phương thế giới, chư Phật Như Lai, xưng dương, tán thán A Di Đà Phật chủng chủng công đức, vô ngại, vô đoan.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặt hướng về Tây, chấp tay, đánh lễ bạch rằng: “Con nay nguyện thấy Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật để cúng dường, phụng sự, trông các thiện căn”. Trong khi Ngài đánh lễ chợt thấy A Di Đà Phật dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm như tòa núi vàng ròng, cao vượt khỏi hết thấy các thế giới. Lại nghe chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới xưng dương, tán thán công đức của A Di Đà Phật một cách vô ngại, không gián đoạn.

Giải:

A Nan nghe lời dạy thì ngay khi đó ba nghiệp thanh tịnh, xưng danh hiệu Phật, đánh lễ phát nguyện.

Chữ “*hốt kiến*” (忽見: chợt thấy) biểu thị sự cảm ứng thần tốc. Đánh lễ chưa xong mắt đã thấy đấng giáo chủ cõi Cực Lạc và nghe các đức Như Lai khắp cả mười phương khen ngợi Phật Di Đà.

Sách Hội Sớ viết: “*Đó là vì cõi nước không có tướng nhất định, tịnh hay uế là do tâm. Ví như chư thiên cùng dùng bát bằng chất báu để ăn như nhau, nhưng tùy theo phước đức mỗi vị mà sắc cơm sai khác. Bởi vậy, nếu nghiệp cấu che lấp cái tâm thì kim dung cũng như tro bản. Ngón chân nhấn xuống đất thì ngói, sạn biến thành bảo ngọc; thân và cõi cũng giống như vậy mà thôi! Bởi đó, biết là Tây phương chẳng xa, nhưng do tâm mê nên liền thành xa cách. Nếu có thể nhất niệm quy chân thì vãng sanh thấy được cõi nước, còn cách trở là niệm hay thời nữa ư?*”

Lời sớ thật đã giảng tường tận ý chỉ “*tâm tịnh, quốc độ tịnh*”. Kinh Tịnh Danh nói: Phật dùng ngón chân nhấn xuống đất, cõi này biến ngay thành cõi tịnh. Kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng chép: “*Ngã chỉ ấn địa, hải ấn phát quang*” (Ngón tay của ta nhấn xuống đất thì hải ấn phát quang). Quang minh phát ra ấy nào phải vì chân hay tay! A Nan thấy Phật chỉ là vì Ngài đã trở về cái chân thật trong một niệm. Lúc niệm Phật thì tâm này niệm Phật; lúc thấy Phật thì tâm này thấy Phật, chỉ là nhất tâm! Tâm ta, tâm Phật không hề cách trở dẫu chừng mây may. Bởi đó, sách Hội Sớ mới viết: “*Còn cách trở là niệm hay thời nữa ư?*” Chỉ là nhất niệm, không quá khứ, hiện tại, vị lai. Do đó, A Nan niệm Phật, lễ Phật liền thấy A Di Đà Phật. Cũng bởi đó nếu lúc lâm chung mà hành

giả có thể quy chân trong một niệm thì cũng ắt sẽ thấy Phật ngay trong lúc đó, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Vì thế mới nói: “*Lúc niệm Phật chính là lúc thấy Phật*”, nào còn có sự ngăn cách với những niệm khác hay thời gian nữa đâu!

“*Nhan*” (顏) là diện mạo, “*quảng đại*” là như Quán kinh nói Vô Lượng Thọ Phật: “*Phật thân cao lục thập vạn ức hằng hà sa do-tuần. Mi gian bạch hào, hữu triền uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn, Phật nhãn như tứ đại hải thủy*” (Thân cao sáu mươi vạn ức hằng hà sa do-tuần. Tướng lông trắng giữa chạn mày uyển chuyển xoay về bên phải như năm hòn núi Tu Di. Mắt Phật như nước bốn biển lớn).

“*Sắc tướng đoan nghiêm*” là tướng hảo trang nghiêm. Quán kinh nói: “*Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn thiên tướng, nhất nhất tướng trung các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo, nhất nhất hảo trung, hữu hữu bát vạn tứ thiên quang minh*” (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng; trong mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo; trong mỗi tùy hình hảo lại có tám vạn bốn ngàn quang minh).

“*Hoàng kim sơn*” (Tòa núi vàng ròng) là như Quán kinh nói: “*Vô Lượng Thọ Phật thân như bách thiên vạn ức Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim dã*” (Sắc thân Vô Lượng Thọ Phật như trăm ngàn vạn ức vàng Diêm Phù Đà của cõi trời Dạ Ma). Lại có nghĩa là thân Phật vòi vọi như núi nên bảo là “*như hoàng kim sơn*”.

Tuy A Nan và những người có cùng quả vị như Ngài hay thấp hơn chẳng thể thấy trọn hết báo thân trang nghiêm như thế, nhưng do vì đấng Như Lai của hai cõi dùng phương tiện thù thắng oai thần gia bị, nên ai nấy tùy theo căn khí của mình đều được thấy cả. Bởi đó, ngài A Nan liền thấy được Phật “*như hoàng kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng*” (như tòa núi vàng ròng, cao vượt khỏi hết thủy thế giới).

“*Vô ngại, vô đoan*”: Mười phương Như Lai dùng Tứ Biện Tài nhiệm mầu để diễn nói nên bảo là “*vô ngại*”. Ca ngợi như thế đến tột cùng đời vị lai chẳng hề gián đoạn nên bảo là “*vô đoan*”.

Chánh kinh:

阿難白言：彼佛淨剎得未曾有，我亦願樂生於彼土。世尊告言：其中生者，已曾親近無量諸佛，植眾德本。汝欲生彼，應當一心歸依瞻仰。

A Nan bạch ngôn: “Bỉ Phật tịnh sát đắc vị tăng hữu, ngã diệc nguyện nhạo sanh u bỉ độ” Thế Tôn cáo ngôn: “Kỳ trung sanh giả, dĩ tăng thân cận vô lượng chư Phật, thực chứng đức bốn. Nhữ dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng”.

A Nan bạch rằng: “Cõi tịnh của đức Phật ấy thật là chưa từng có. Con cũng nguyện thích sanh về cõi ấy”. Đức Thế Tôn bảo: “Người sanh trong cõi ấy đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông các cõi lành. Ông muốn sanh trong cõi đó thì hãy nên nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng”.

Giải:

A Nan đích thân thấy Phật Di Đà như tòa núi vàng, đức tướng đoan nghiêm và các thứ thanh tịnh trang nghiêm nơi cõi ấy đều là những điều xưa nay mình chưa từng thấy nên thưa là: “*Đắc vị tăng hữu*” (Thật là chưa từng có). Lại nghe mười phương Phật khen ngợi liền sanh tâm hy hữu, phát khởi đại nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc. Điểm này chứng tỏ rõ ngài A Nan đúng là đương cơ; Ngài đã khế hội thánh tâm nên phát nguyện cầu sanh, bạch rằng: “*Ngã diệc nguyện nhạo sanh bỉ độ*” (Con cũng nguyện thích sanh về cõi ấy).

Thế Tôn đáp: Những người được vãng sanh đều đã từng ở nơi vô lượng chư Phật thân cận cúng dường, phụng sự, học tập, rộng gieo cõi đức đúng như kinh A Di Đà nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Ở đây, kinh chép: “*Nhữ dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng*” (Ông muốn sanh về cõi ấy thì hãy nên nhất tâm, quy y, chiêm ngưỡng). “*Chiêm*” (瞻) là ngẩng mặt lên nhìn, “*ngưỡng*” (仰) là ngưỡng mộ.

Câu “*quy y, chiêm ngưỡng*” bao gồm các ý nghĩa lễ Phật, quán Phật, niệm Phật, tưởng nhớ đức Phật, mà cũng chính là Ngũ Niệm Môn như Bồ Tát Thiên Thân đã đề xướng. Ngũ Niệm Môn là: Một là lễ bái, hai là tán thán (xưng danh), ba là phát nguyện, bốn là quán sát, năm là hồi hướng. Nói tóm lại, **nhất tâm xưng niệm sáu chữ hồng danh thì đã gồm trọn cả Ngũ Niệm Môn.**

Nhất tâm là tâm thanh tịnh. Lại như bản kinh A Di Đà khắc trên đá ở thành Tương Dương vào thời Lục Triều có câu: “*Dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn, phước đức, nhân duyên*” (Do xưng danh nên các tội tiêu diệt; đây chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên). Vì thế, ngài A Nan nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng thì chính là

hiều thiện căn, phước đức, nhân duyên, cũng giống như người được vãng sanh là do đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông các cõi đức nên mới được thỏa nguyện vãng sanh.

Chánh kinh:

作是語時，阿彌陀佛即於掌中放無量光，普照一切諸佛世界。時諸佛國，皆悉明現，如處一尋。以阿彌陀佛殊勝光明，極清淨故，於此世界所有黑山、雪山、金剛、鐵圍大小諸山，江河叢林，天人宮殿，一切境界，無不照見。譬如日出，明照世間。乃至泥犁、谿谷，幽冥之處，悉大開闢，皆同一色。猶如劫水彌滿世界，其中萬物，沉沒不現，滉漾浩汗，唯見大水。彼佛光明，亦復如是。聲聞、菩薩一切光明，悉皆隱蔽，唯見佛光，明耀顯赫。

Tác thị ngữ thời, A Di Đà Phật tức ư chưởng trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới. Thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xử nhất tầm. Dĩ A Di Đà Phật thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố, ư thử thế giới sở hữu Hắc Sơn, Tuyết Sơn, Kim Cang, Thiết Vy đại tiểu chư sơn, giang hà, tùng lâm, thiên nhân cung điện, nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến. Thí như nhật xuất, minh chiếu thế gian. nãi chí Nê Lê, kê cốc, ư minh chi xứ, tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc. Do như kiếp thủy di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện, hoảng dưỡng hạo hãn, duy kiến đại thủy. Bỉ Phật quang minh, diệc phục như thị. Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế. Duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách.

Lúc nói lời ấy, A Di Đà Phật liền từ bàn tay phóng ra vô lượng quang chiếu khắp hết thấy các thế giới Phật. Khi ấy, các cõi Phật đều hiện rõ như chỉ ở trong vòng một tầm. Do quang minh thù thắng của A Di Đà Phật tột bậc thanh tịnh nên tất cả Hắc sơn, Tuyết Sơn, Kim Cang, Thiết Vy, các hòn núi lớn nhỏ, sông ngòi, rừng rậm, cung điện của trời người, hết thấy cảnh giới trong các thế giới ấy không đâu chẳng soi thấy. Ví như mặt trời mọc lên chiếu sáng ngời

thế gian. Cho đến Nê Lê, khe, hang, chôn tối tăm thấy đều sáng bừng, đều cùng một màu như là kiếp thủy ngập tràn khắp thế giới, vạn vật trong ấy đều bị chìm lấp chẳng hiện; minh mông, bát ngát chỉ thấy toàn là nước lớn. Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế. Hết thấy quang minh của Thanh Văn, Bồ Tát thấy đều bị ẩn lấp, chỉ có quang minh của Phật là sáng ngời, rực rỡ.

Giải:

Đấng Đạo Sư của cõi thế gian này vừa dứt lời thì đức Như Lai cõi kia liền từ lòng bàn tay phóng ra quang minh; điều này chứng tỏ: Thích Tôn khuyến vãng sanh, Phật Di Đà tiếp dẫn. Hai đức Phật trong hai cõi đồng tâm, đồng đức.

Phật quang phổ chiếu hết thấy cõi Phật biểu thị Phật Di Đà tiếp độ cho hết thấy phạm thánh trong mười phương đều được vãng sanh. Do Phật quang gia trì, đại chúng trong hội đều được thấy mười phương cõi Phật như trong khoảng một tâm (một Tâm là tám thước).

Quang minh của Phật Di Đà tôn quý nhất trong các quang minh nên bảo là “*thù thắng*”. Sở dĩ quang minh thù thắng bởi lẽ “*cực thanh tịnh cố*” (tột bậc thanh tịnh). Do vậy, hết thấy núi sông, cảnh vật trong những thế giới ấy: Chẳng hạn như Hắc Sơn (còn gọi là Hắc lãnh. Đây là tên của một ngọn núi được ghi trong Tây Vực Ký và Từ Ân Truyện), Tuyết Sơn (tiếng Phạn là Himalaya, tức là Hỷ Mã Lạp Nhã sơn, danh núi quanh năm tuyết đọng nên gọi là Tuyết Sơn); Kim Cang, Thiết Vy (đều là tên núi, xin xem lời giải thích trong phẩm mười một); hết thấy những thứ như thế “*vô bất chiếu kiến*” (không đâu chẳng soi thấy).

Tiếp đó, kinh nêu lên thí dụ: Mặt trời mọc thì tối tăm tiêu mất, chẳng luận là hang hốc hay “*u minh chi xứ*” (chỉ chôn hang sâu cực tối tăm) và “*nãi chí Nê Lê* (cho đến Nê Lê - Nê Lê là địa ngục) đều được sáng bừng, hiện rõ nên bảo là “*tất đại khai tịch*” (thấy đều sáng bừng). Hết thấy mọi vật “*giai đồng nhất sắc*” (đều cùng một sắc).

Theo Quán kinh, “*nhất sắc*” chính là màu vàng ròng, như trong phép quán thứ bảy của Quán kinh có nói: “*Vô Lượng Thọ Phật, lập không trung, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thị nhị đại sĩ, thị lập tả hữu. Quang minh xí tịnh, bất khả cụ kiến. Bách thiên Diêm Phù Đà kim sắc, bất đắc vi tỷ*” (Vô Lượng Thọ Phật đứng trên không trung. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là hai vị đại sĩ đứng hầu hai bên. Quang minh rực rỡ chẳng thể thấy trọn. Sắc của trăm ngàn khối vàng Diêm Phù Đà chẳng thể sánh bằng).

Trong pháp quán thứ tám cũng có nói: “*Phật Bồ Tát tượng giai phóng quang minh, kỳ quang kim sắc*” (Tượng Phật và Bồ Tát đều phóng quang minh. Quang minh ấy sắc vàng). Pháp quán thứ mười lăm lại nói: “*Kiến A Di Đà Phật dữ chư quyền thuộc, phóng kim sắc quang*” (Thấy A Di Đà Phật và các quyền thuộc phóng quang minh sắc vàng).

Lại như kinh Thất Phật Thân Chú đã dạy: “*Kỳ trung sở hữu nhất thiết vạn vật, giai tác kim sắc*” (Trong ấy, hết thảy vạn vật đều thành sắc vàng). Lại như kinh Pháp Hoa thuật: Lúc Phật phóng quang hiện điềm lành “*chiếu ư Đông phương bát vạn thiên độ, giai như kim sắc*” (chiếu một vạn tám ngàn cõi nơi phương Đông [khiến các cõi ấy] đều như sắc vàng).

Hiểu ở một mức cao hơn, “nhất sắc” ngụ ý vạn pháp nhất như (giống hệt như nhau); trong diệu trí quang của Phật đều hiển hiện bản thể thanh tịnh, tướng sai biệt biến mất, chỉ còn tướng chân thật hiển lộ. Bởi thế “*giai đồng nhất sắc*”.

Tiếp đó, kinh lại dùng kiếp thủy làm thí dụ. “*Kiếp thủy*” là một trong tam tai; tức là đại thủy tai lúc kiếp hoại. Nước từ dưới thủy luân⁹⁷ ở dưới mặt đất phun vọt lên, mưa tuôn xuống mỗi giọt to như bánh xe. Từ trời Đệ Nhị Thiên trở xuống đều bị nước ngập phá hủy hết. Chữ “*hoảng dưỡng*” (滄 養) diễn tả nước lớn không còn biết đâu là bến bờ. Chữ “*hạo hãn*” (浩 汗) hình dung nước lớn bao la (Đối với câu kinh văn này, có thể tham khảo bài Tây Chinh Phú của Phan Nhạ trong bộ Văn Tuyển: “*Nãi hữu Côn Minh, trì hồ kỳ trung, kỳ trì tắc thang thang hãn hãn, hoảng dưỡng di mãn, hạo như hà hán*” (Có ao Côn Minh, trong ao nước tràn trề, bát ngát, mênh mông lai láng, bao la như Ngân Hà). Bản Đường dịch ghi là: “*Thí như đại địa, hồng thủy doanh mãn, thọ lâm sơn hà, giai một bất hiện, duy hữu đại thủy*” (Ví như đại địa, trận hồng thủy ngập tràn, cây cối, núi sông đều bị vùi lấp chẳng hiện, chỉ toàn là nước lớn). Nước lớn ví cho Phật quang, cây cối ví với “*Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh*” (quang minh của hết thảy Thanh Văn, Bồ Tát). Cũng như ánh sáng của các ngôi sao khi mặt trời mọc lên, các ánh sao chẳng hiện nên bảo là “*tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách*” (thấy đều ẩn lấp; chỉ thấy Phật quang sáng ngời,

⁹⁷ Thủy luân là tầng thứ hai gồm toàn nước duy trì một thế giới. Theo luận Câu Xá, quyển mười một: “*An lập khí thế gian, phong luân nằm thấp nhất, rộng đến vô số, dày mười lạc-xoa. Kế đến là thủy luân, sâu mười ức vạn. Tám lạc-xoa nước ở đây tầng thủy luân ngưng kết thành chất vàng.... Trên nền vàng đó có tám ngọn núi lớn, Diệu Cao Sơn Vương trụ ở trên đó*”.

rực rỡ). “Minh” (明) là sáng sủa, “diệu” (耀) là chiếu ngời, “hiển” (顯) là rõ rệt, “hách” (赫) là sáng rực (giống như tướng lửa mạnh, cũng nhằm diễn tả ánh sáng sắc đỏ chói ngời).

Chánh kinh:

此會四眾、天龍八部、人非人等，皆見極樂世界，種種莊嚴。阿彌陀佛，於彼高座，威德巍巍，相好光明，聲聞、菩薩，圍繞恭敬。譬如須彌山王，出於海面。明現照耀，清淨平正。無有雜穢，及異形類。唯是眾寶莊嚴，聖賢共住。阿難及諸菩薩眾等，皆大歡喜，踊躍作禮，以頭著地，稱念南無阿彌陀三藐三佛陀。

Thử hội tứ chúng, thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, giai kiến Cực Lạc thế giới, chủng chủng trang nghiêm. A Di Đà Phật ư bích cao tọa, oai đức nguy nguy, tướng hảo quang minh, Thanh Văn, Bồ Tát, vi nhiều cung kính. Thí như Tu Di sơn vương, xuất ư hải diện, minh hiện chiếu diệu, thanh tịnh bình chánh, vô hữu tạp uế, cập dị hình loại. Duy thị chúng bảo trang nghiêm, thánh hiền cộng trụ. A Nan cập chư Bồ Tát chúng đẳng, giai đại hoan hỷ, dũng dục tác lễ, dĩ đầu trước địa, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà.

Bốn chúng trong hội này, tám bộ trời, rồng, nhân, phi nhân v.v... đều thấy Cực Lạc thế giới các thứ trang nghiêm, A Di Đà Phật ngự trên tòa cao trong cõi ấy, oai đức vòi vọi, tướng hảo, quang minh. Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh. Ví như núi chúa Tu Di nhô lên khỏi mặt biển, rạng ngời chói lọi, thanh tịnh, bình chánh, chẳng có tạp uế cùng các loại dị hình, chỉ trang nghiêm bằng các báu, là nơi các vị thánh hiền cùng ở. A Nan và các hàng Bồ Tát đều hoan hỷ lớn, hớn hở làm lễ, cúi đầu sát đất, xưng niệm: “Nam Mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà”.

Giải:

“Thử hội tứ chúng” (Bốn chúng trong hội này) là chúng đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị, năm trăm vị tỳ-kheo-ni, bảy ngàn thanh tín sĩ, năm trăm thanh tín nữ. Lại có Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc, mười sáu vị

Chánh Sĩ và vô lượng vô biên hết thấy Bồ Tát trong Hiền kiếp. Từ các vị Phạm thiên cho đến “*thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng*” (tám bộ trời rồng, nhân, phi nhân v.v...) đều là hội chúng (đại chúng tham dự pháp hội).

Câu “*giai kiến Cực Lạc thế giới*” (đều thấy Cực Lạc thế giới) ý nói: Mọi người dự hội đều được thấy. Tứ chúng đệ tử trong pháp hội cõi này gồm hai vạn người đều là thân huyết nhục mà ai ai cũng đều thấy thế giới Cực Lạc, họ đều là người chứng thực cho hết thấy chúng sanh trong lúc ấy và đời tương lai sau. Tướng lành thù thắng này được cả năm bản dịch cùng ghi chép.

Bản Hán dịch ghi: “*A Nan, chư Bồ Tát, A La Hán đẳng, cập chư thiên, đế vương, nhân dân, tất giai kiến Vô Lượng Thanh Tịnh Phật cập chư Bồ Tát, A La Hán, quốc độ thất bảo dĩ*” (A Nan, chư Bồ Tát, A La Hán v.v... và chư thiên, đế vương, nhân dân đều thấy Vô Lượng Thanh Tịnh Phật và các Bồ Tát, A La Hán, cõi nước bảy báu). Bản Ngô dịch chép giống như thế, nhưng ghi là A Di Đà thay vì Vô Lượng Thanh Tịnh Phật.

Bản Ngụy dịch chép: “*Vô Lượng Thọ Phật oai đức nguy nguy, như Tu Di sơn vương, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng. Tướng hảo, quang minh, mỹ bất chiếu kiến. Thử hội tứ chúng, nhất thời tất kiến*” (Vô Lượng Thọ Phật oai đức vòi vọi như núi chúa Tu Di, cao vượt khỏi hết thấy các thế giới; tướng hảo, quang minh không gì là chẳng soi tỏ. Tứ chúng trong hội ấy cùng lúc đều được thấy) và: “*Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tất kiến Vô Lượng Thọ Như Lai*” (Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều thấy Vô Lượng Thọ Như Lai).

Bản Đường dịch chép: “*Bỉ chư quốc trung, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tất kiến Vô Lượng Thọ Như Lai, như Tu Di sơn vương chiếu chư Phật sát. Thời chư Phật quốc giai tất minh hiện, như xử nhất tâm*” (Trong các cõi ấy, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều thấy Vô Lượng Thọ Như Lai như ngọn núi chúa Tu Di chiếu các cõi Phật. Khi ấy, các cõi Phật thấy đều hiện rõ như ở trong vòng một tâm).

Bản Tống dịch chép: “*Nhĩ thời hội trung bát-sô, bát-sô-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Thiên, Long, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân đẳng, giai kiến Cực Lạc thế giới chúng chúng trang nghiêm, cập kiến Vô Lượng Thọ Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát vi nhiều cung kính. Thí như Tu Di sơn vương, xuất ư đại hải*” (Lúc ấy, bát-sô, bát-sô-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dược-

xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... trong hội đều thấy các thứ trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc và thấy Vô Lượng Thọ Như Lai. Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh. Ví như ngọn núi chúa Tu Di, vượt lên trên biển cả). Năm bản dịch cùng đề cập thì đủ chứng tỏ việc Phật Di Đà xuất hiện chứng tín là điều được nói trong bản kinh gốc chứ chẳng phải là do dịch thuật sai lầm.

Hội chúng khi ấy liền được thấy các thứ y báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại thấy chánh báo là A Di Đà Phật công đức vòi vọi, tướng hảo, quang minh, thánh chúng vây quanh “*thí như Tu Di sơn vương, xuất u hải diện*” (ví như ngọn núi chúa Tu Di nhô lên khỏi mặt biển). Núi Tu Di nói đủ là Tu Di Lô (Sumeru) sơn vương, là một trong mười hòn núi chúa. Hòn núi này chẳng phải là núi đất hay núi đá như của thế gian mà thuần bằng bốn chất báu hợp thành nên bảo là “*vô hữu tạp uế, cập dị hình loại, duy thị chúng bảo trang nghiêm*” (chẳng có tạp uế và các loại dị hình, chỉ trang nghiêm bằng các báu). Chánh báo quang minh vô lượng nên bảo là “*minh hiện chiếu diệu*” (rạng ngời chói lọi, thanh tịnh), y báo “*khoan quảng bình chánh*” (rộng rãi, bằng phẳng, ngay ngắn), “*thanh tịnh an ổn*” cho nên nói “*thanh tịnh bình chánh*”.

Do “*Thanh Văn, Bồ Tát vi nhiều cung kính*” (Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh) nên bảo là “*thánh hiền cộng trụ*” (thánh hiền cùng ở).

“*A Nan cập chư Bồ Tát chúng đấng*” (A Nan và các hàng Bồ Tát v.v...): A Nan là đương cơ nên được nêu tên đầu tiên; “*Bồ Tát chúng đấng*” nghĩa là các vị Thanh Văn, trời, người v.v... được nhờ ân mà trông thấy điềm lành nên đều hoan hỷ, mừng rỡ. Do vậy, ai nấy đều năm vóc gieo xuống đất, chí thành xưng niệm “*Nam Mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà*”. “*Tam Miệu Tam Phật Đà*” (Samyak Sambuddha), cựu dịch là Chánh Biến Tri, tân dịch là Đấng Chánh Giác, là danh hiệu thứ ba trong mười hiệu của Phật. Do đó, “*Nam Mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà*” chính là sáu chữ hồng danh.

Chánh kinh:

諸天人民，以至蜎飛蠕動，覩斯光者，所有疾苦，莫不休止，一切憂惱，莫不解脫。悉皆慈心作善，歡喜快樂。鐘磬、琴瑟、箏篪樂器，不鼓自然

皆作五音。諸佛國中，諸天人民，各持花香，來於虛空，散作供養。

Chư thiên nhân dân, dĩ chí quyên phi nhuyển động, đồ tư quang giả, sở hữu tạt khổ, mạc bất hưu chí, nhất thiết ưu não, mạc bất giải thoát, tạt giai từ tâm tác thiện, hoan hỷ, khoái lạc. Chung, khánh, cầm, sắt, không hầu, nhạc khí, bất cố tự nhiên giai tác ngũ âm. Chư Phật quốc trung, chư thiên nhân dân, các trì hoa hương, lai w hư không, tán tác cúng dường.

Chư thiên, nhân dân cho đến những loài trùng ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn thấy quang minh ấy thì tất cả tạt khổ không chi chẳng ngưng dứt, hết thấy ưu não không thứ gì chẳng giải thoát, đều từ tâm làm lành, hoan hỷ, khoái lạc. Chuông, khánh, cầm, sắt, không hầu, nhạc khí chẳng đánh tự nhiên phát ra ngũ âm. Chư thiên, nhân dân trong các cõi Phật đều cầm hương hoa đến trên hư không rải xuống cúng dường.

Giải:

Đoạn kinh này lại trình bày những việc thành tựu do điều nguyện thứ mười bốn của A Di Đà Phật: “*Chạm phải quang minh được an lạc*”. Trong lời nguyện ấy có câu: “*Kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện*” (Thấy quang minh của tôi chiếu vào thân không ai chẳng được an lạc, từ tâm làm lành) tức là những điều được nói trong đoạn chánh kinh trên từ câu “*đồ tư quang minh*” (thấy quang minh ấy) cho đến “*tạt giai từ tâm tác thiện, hoan hỷ khoái lạc*” (thấy đều từ tâm làm lành, hoan hỷ, khoái lạc).

Phẩm Quang Minh Biến Chiếu cũng chép: “*Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức*” (Nếu kẻ ở trong chôn tam đồ khổ cực mà trông thấy quang minh này thì đều được ngồi nghỉ). Bởi thế, ở đây kinh mới chép: “*Quyên phi nhuyển động, đồ tư quang giả, sở hữu tạt khổ, mạc bất hưu chí, nhất thiết ưu não, mạc bất giải thoát*” (Các loài côn trùng bay lượn, ngọ nguậy, bò trườn thấy quang minh ấy thì tất cả tạt khổ không chi chẳng ngưng dứt, hết thấy ưu não không thứ gì chẳng giải thoát).

Các thứ nhạc khí như chuông, khánh, đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu⁹⁸ v.v... không cần phải khảy, đánh; tự nhiên phát ra âm thanh nên

⁹⁸ Cầm, sắt, không hầu: Cầm là loại đàn dài ba thước Hán, rộng sáu tấc, gồm bảy dây. Sắt là một loại đàn tựa tựa như đàn tranh, thời cổ chỉ có mười ba dây, sau đổi

bảo là “*bất cố tự nhiên giai tác ngũ âm*” (chẳng đánh, tự nhiên đều phát ra ngũ âm). Chư thiên trong mười phương đến rải hương, hoa đều nhằm biểu thị sự khoái lạc thù thắng.

Do kinh đã chép tỉ mỉ các việc tốt lành: Thấy Phật, thấy quang minh, thấy cõi nước v.v... nên ắt sẽ có kẻ cho đó là cái lỗi chấp tướng. Tiếc thay kẻ ấy chưa biết được điều mầu nhiệm của Tịnh tông: Chính ngay nơi tướng là đạo, ngay nơi sự chính là chân, nên chẳng cần phải bỏ tướng để cầu đạo, lia sự để thấy chân! Kinh này thuần là cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm. Một hoa, một hương không thứ gì chẳng phải là hạt châu nơi mảnh lưới của Thiên Đế. Mỗi thứ đều viên minh, thứ nào cũng thù thắng nhiệm mầu, thứ nào cũng đều là toàn thể của Nhất Chân pháp giới, viên minh cụ đức chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

爾時極樂世界，過於西方百千俱胝那由他國，以佛威力，如對目前，如淨天眼，觀一尋地。彼見此土，亦復如是。悉觀娑婆世界，釋迦如來，及比丘眾，圍繞說法。

Nhĩ thời Cực Lạc thế giới, quá u Tây phương bách thiên câu chi na-do-tha quốc, dĩ Phật oai lực, như đối mục tiền, như tịnh thiên nhãn, quán nhất tầm địa. Bỉ kiến thử độ, diệc phục như thị, tất đồ Sa Bà thế giới Thích Ca Như Lai cập tỳ-kheo chúng, vi nhiều thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, thế giới Cực Lạc ở phương Tây cách đây trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi, nhưng do oai lực của Phật nên giống như đối ngay trước mắt, như thiên nhãn trong sạch thấy trong vòng một tầm. Cõi đó thấy cõi này cũng giống như vậy: Đều thấy thế giới Sa Bà, Thích Ca Như Lai và tỳ-kheo chúng vây quanh thuyết pháp.

Giải:

thành hai mươi lăm dây. Cầm và sắt thường hòa tấu chung với nhau nên xưa hay dùng chữ “sắt cầm hảo hợp” để ví cho tình nghĩa vợ chồng. Không hầu là một loại đàn dây, xuất xứ từ Tây Vực, thường có thân cong, mặt dài, số dây từ hai mươi hai đến hai mươi lăm. Khi sử dụng, ôm vào lòng, hai tay cùng khảy.

Câu “*quá u tây phương bách thiên câu-chi na-do-tha quốc*” (ở hương Tây cách đây trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi) xin xem lại lời giải thích ở phần trước.

Cực Lạc chẳng lìa khỏi tự tâm là xét về Lý. “*Quá u tây phương bách thiên câu-chi na-do-tha quốc*” là Sự. Lý, Sự vô ngại nên cách xa mười vạn ức chính là ở ngay trước mắt. Bởi vậy, Quán kinh nói: “*A Di Đà Phật khứ thử bất viễn*” (A Di Đà Phật cách đây chẳng xa).

Hội chúng chí thành nên cảm ứng Phật lực gia hộ, hai cõi tịnh uế thấy rõ nhau như đối trước mắt “*như tịnh thiên nhãn, quán nhất tâm địa*” (như thiên nhãn trong sạch thấy trong vòng một tầm). Thánh chúng cõi ấy đều thấy đấng Thích Tôn cõi này ở trong đại hội giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

Kinh A Di Đà nói pháp môn này là “*nhất thiết thế giới nan tín chi pháp*” (pháp hết thảy thế gian khó thể tin được nổi) Chúng sanh đời Mạt pháp tình chấp sâu nặng, đối với diệu pháp tối cực viên đôn, Nhất Thừa liễu nghĩa, phương tiện rốt ráo này chẳng thể tin hiểu nổi, đâm ra phỉ báng. Bởi thế, trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang đây, hai vạn người trong thế giới này đích thân thấy Cực Lạc thế giới thanh tịnh trang nghiêm, đích thân nghe đức A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp, họ sẽ là người chứng thực khiến cho chúng sanh phát sanh chánh tín, ưa thích cầu vãng sanh, phát tâm Bồ Đề, một bề chuyên niệm, đều đạt được bốn lợi ích Tất Đản.

Nay tôi kính thuận thánh tâm, xin dẫn kèm thêm một số kinh để chứng tỏ Cực Lạc diệu hữu, ngõ hầu [người đọc] khỏi thiên chấp nơi Không.

1. Quán Kinh chép: “*Vy Đề Hy dĩ ngũ bách thị nữ, văn Phật sở thuyết, ứng thời tức kiến Cực Lạc thế giới quảng trường chi tướng, đắc kiến Phật thân cập nhị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, thân vị tăng hữu, hoá nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhãn. Ngũ bách thị nữ, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thế Tôn tất ký, giai đương vãng sanh. Sanh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội*” (Vy Đề Hy và năm trăm thị nữ nghe lời Phật dạy, ngay lập tức thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân của Phật và hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, thân là chưa từng có, đột nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhãn. Năm trăm thị nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về cõi ấy. Thế Tôn thọ ký họ sẽ đều vãng sanh. Sanh trong nước ấy rồi sẽ đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).

2. Kinh Phật Thuyết Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ân Pháp Môn chép: “*Thời, thử Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Như Lai hội trung, sở hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát (nhất vạn nhị thiên nhân), bát-sô (nhị vạn nhân), bát-sô-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Phạm Vương, Đế Thích, Hộ Thế Tứ Vương tịnh cư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân đấng, tất năng kiến bỉ Cực Lạc thế giới cập kiến Vô Lượng Thọ Quang Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng vi nhiều, quang minh xí tịnh, như Diệu Cao sơn*” (Khi ấy, trong hội chúng của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai nơi thế giới Sa Bà, tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát (một vạn hai ngàn người), bát-sô (hai vạn người), bát-sô-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Phạm Vương, Đế Thích, Hộ Thế Tứ Vương và các chúng khác như Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... đều thấy thế giới Cực Lạc và thấy Vô Lượng Quang Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng vây quanh. Quang minh rực rỡ như núi Diệu Cao).

3. Kinh Thập Vãng Sanh chép: “*Phật cáo Sơn Hải Huệ Bồ Tát: - Nhữ kim ưng đương khởi lập hiệp chúng, chánh thân hướng Tây, chánh niệm quán A Di Đà Phật quốc, nguyện kiến A Di Đà Phật. Nhĩ thời nhất thiết đại chúng, diệc giai khởi lập hiệp chúng, cộng quán A Di Đà Phật. Nhĩ thời, A Di Đà Phật hiện đại thân thông, phóng đại quang minh, chiếu Sơn Hải Huệ Bồ Tát thân. Nhĩ thời, Sơn Hải Huệ Bồ Tát đấng (bao quát nhất thiết đại chúng), tức kiến A Di Đà Phật quốc, sở hữu trang nghiêm diệu hảo chi sự, giai tất thất bảo, thất bảo sơn, thất bảo quốc độ, thủy diệu, thọ lâm, thường thổ pháp âm, bỉ quốc nhật nhật thường chuyển pháp luân*” (Phật bảo Sơn Hải Huệ Bồ Tát: ‘Ông nay nên đứng dậy, chấp tay, hướng thẳng về phương Tây, chánh niệm quán cõi Phật A Di Đà, nguyện thấy A Di Đà Phật’. Bấy giờ, hết thấy đại chúng cũng đều đứng dậy, chấp tay, cùng quán A Di Đà Phật. Lúc đó, A Di Đà Phật hiện đại thân thông phóng đại quang minh, chiếu thân Sơn Hải Huệ Bồ Tát. Khi ấy, Sơn Hải Huệ Bồ Tát v.v... (bao quát hết thấy đại chúng) liền thấy tất cả sự trang nghiêm diệu hảo của cõi A Di Đà Phật đều là bảy báu: núi bảy báu, cõi nước bảy báu; nước, chim, cây cối thường diễn pháp âm. Cõi ấy hằng ngày thường chuyển pháp luân).

Những đoạn kinh trên chúng tỏ rằng trong xã hội Ấn Độ thời ấy đã có vài trăm người hoặc là vạn người tận mắt thấy y báo, chánh báo trang nghiêm trong cõi Cực Lạc. Tây phương có thế giới, có A Di Đà Phật. Đối với hai chữ “*có*” ấy cần phải hết sức lưu ý.

Nói chung, phẩm này bao gồm bốn thứ Tất Đàn:

1. Y báo, chánh báo cõi Cực Lạc hiện tiền chính là “thế giới Tất-đàn”: Hiện thị đích xác diệu cảnh khiến cho chúng sanh hoan hỷ, sanh tâm ham cầu.

2. A Nan và đại chúng hoan hỷ làm lễ, xưng niệm thánh hiệu là “nhân Tất-đàn” vì phát sanh điều lành. Trì danh vãng sanh là điều lành nhất trong các điều lành.

3. Phá nghi sanh tín là “đổi trị Tất-đàn”. Nghi căn chưa đoạn thì chính là tội căn. Lúc tín lực viên mãn thì hoàn toàn trở thành Phật lực.

4. Tâm và Phật chẳng hai, diệu cảm khó suy lường, sự lý bất nhị, diệu cảnh hiện tiền chính là “Đệ Nhất Nghĩa Tất-đàn” vì hiển bày trọn vẹn tánh khiến cho chúng nhập Thật Tướng.

Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết: “*Đoạn này ý nói vô lượng quang minh chiếu trọn hết thấy. Cực Lạc và Sa Bà cùng một pháp giới, vốn chẳng phải đây hay kia thì nào có Đông hay Tây! Sơn hà, đại địa đều là do con mắt nhắm⁹⁹ của chúng sanh mà thành.*

Nếu trong một niệm mà nhập được cảnh giới của Phật thì vô lượng quang minh chiếu khắp trần sát, tam đồ, lục đạo đồng thời giải thoát. Chẳng phải riêng mình A Nan được oai thần của Phật gia bị nên trông thấy thân Phật và các thứ y báo, chánh báo; mà chính là chúng sanh ngay trong đời mạt pháp đây cứ hễ nhập được pháp môn này thì chẳng lìa khỏi cái niệm hiện tiền mà chóng được thấy Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: ‘Chư Phật nhất tự đại viên kính, ngã thân tưu như Ma Ni châu, chư Phật Pháp Thân nhập ngã thể. Ngã thân thường nhập chư Phật xu’ (Chư Phật giống như một tấm kính tròn lớn, thân ta như hạt Ma-ni châu. Thân chư Phật nhập vào trong thân ta, thân ta thường nhập vào trong thân chư Phật). Bởi đó, chư Phật và chúng sanh vốn là vô nhị thì gọi là ‘thấy Phật’, chứ thật sự chẳng thấy. Vì có sao? Vì trong một Thể chẳng thể thấy lẫn nhau’.

⁹⁹ Câu này dựa theo ý kinh Viên Giác: Như người bị bệnh mắt, thấy trên hư không có những đốm sáng lớn vờn, bay lung tung, gọi đó là “không hoa” (hoa đốm trên hư không). Trong không trung, thật sự không có những đốm sáng ấy, chỉ vì mắt bị bệnh nên mới thấy có “không hoa”.